

Số: 885 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 25 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành;
thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ
tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường và lĩnh vực đo đạc, bản đồ
trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về
kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, số 92/2017/NĐ-
CP ngày 07/8/2017 sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến
kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về việc thực hiện
cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; số
45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường
điện tử; số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của
Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế
một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số
02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ
tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một
số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 87/QĐ-BTNMT
ngày 14/01/2022 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành
chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị
bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi quản lý chức năng của Bộ Tài
nguyên và Môi trường, số 88/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 về việc công bố thủ
tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ thuộc
phạm vi quản lý chức năng của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
56/TTr-STNMT ngày 11/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban

hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bãi bỏ lĩnh vực môi trường và lĩnh vực đo đạc, bản đồ trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường và lĩnh vực đo đạc, bản đồ trên địa bàn thành phố Hải Phòng; xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật trên hệ thống Một cửa điện tử và Dịch vụ công trực tuyến thành phố theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT; VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HỒNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP, Chuyên trang ANHP;
- Cổng TTĐTTP; TT TT&TH (VPUBND TP);
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS, NN&TNMT;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Anh Quân

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC) MỚI BAN HÀNH;
TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; TTHC THAY THẾ; TTHC BỊ BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC
MÔI TRƯỜNG VÀ LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 885 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH:

1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố (04 TTHC):

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tiếp nhận hồ sơ	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ, trả kết quả			Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ Bru chính công ích	Trực tiếp	
I	Lĩnh vực môi trường							
1	Cấp giấy phép môi trường	- 15 ngày làm việc đối với các trường hợp: (1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; (2) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - 30 ngày làm việc đối với các trường hợp còn lại.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Bắt buộc nộp hồ sơ trực tuyến đối với dự án nêu tại mục (1), (2) cột 3 thứ tự I.1 Danh mục này	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

TT	Tên thủ tục hành	Thời hạn giải quyết	Cơ quan tiếp	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ, trả kết quả			Căn cứ pháp lý
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Không quy định	Nộp và trả kết quả trực tuyến			- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Nộp và trả kết quả trực tuyến			- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	- 20 ngày làm việc, đối với các trường hợp: + Giấy phép hết hạn; + Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp có bổ sung ngành, nghề thu hút đầu tư (trừ trường hợp ngành, nghề hoặc dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đó khi đi vào vận hành không phát sinh nước thải công nghiệp phải xử lý để bảo đảm đạt điều kiện tiếp nhận nước thải của hệ thống xử lý nước thải tập trung). - 30 ngày làm việc, đối với các trường hợp còn lại.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Bắt buộc nộp hồ sơ trực tuyến đối với dự án nêu tại mục (1), (2) cột 3, Thứ tự I.1, Danh mục này	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (04 TTHC):

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện nộp hồ sơ, trả kết quả			Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ Buu chính công ích	Trực tiếp	
I Lĩnh vực môi trường								
1	Cấp giấy phép môi trường	- 15 ngày làm việc, đối với các trường hợp: (1) Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải; (2) Dự án đầu tư, cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp và đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. - 30 ngày làm việc, đối với các trường hợp còn lại.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Bắt buộc nộp hồ sơ trực tuyến đối với dự án nêu tại mục (1), (2) cột 3, Thứ tự I.1, Danh mục này	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
2	Cấp đổi giấy phép môi trường	10 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định	Nộp và trả kết quả trực tuyến			- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15 ngày làm việc.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Nộp và trả kết quả trực tuyến	-	-	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
4	Cấp lại giấy phép môi trường	- 20 ngày làm việc, đối với trường hợp Giấy phép hết hạn; Dự án đầu tư, cơ sở tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ sản xuất (trừ trường hợp dự án đầu tư thay đổi thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường). - 30 ngày làm việc, đối với trường hợp còn lại.	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố	Bắt buộc nộp hồ sơ trực tuyến đối với dự án nêu tại mục (1), (2) cột 3, thứ tự I.1, Danh mục này	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã (01 TTHC):

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ Bưu chính công ích	
I	Lĩnh vực môi trường						
1	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	- 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ tham vấn theo quy định. - Trường hợp không có phản hồi trong thời hạn quy định được coi là thống nhất với nội dung tham vấn.	Trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã	Không quy định	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (02 TTHC)

T T	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ Bưu chính công ích	
I Lĩnh vực Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý								
1	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II.	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II. - 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Chưa quy định	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP.
2	1.001923	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Mức phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ được quy định cụ thể tại Biểu mức thu phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2019/TT-BTC ngày 10/6/2019 của Bộ Tài chính	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018; - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP; - Nghị định số 136/2021/NĐ-CP.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ:

1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố (02 TTHC)

T T	Mã hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên TTHC thay thế	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
				Sở Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	Dịch vụ Bưu chính công ích	
I Lĩnh vực môi trường										
1	1.004249	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	30 ngày làm việc	20 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Phụ lục số 01 Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
2	1.004240	Thẩm duyệt, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP).	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	30 ngày làm việc.	15 ngày làm việc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Theo Phụ lục số 02 Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018	Nộp hồ sơ và trả kết quả	Nộp hồ sơ và trả kết quả	- Luật Bảo vệ môi trường 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ (08 TTHC):

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ pháp lý quy định TTHC bị bãi bỏ
I	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố (01 TTHC)		
1	1.004141	Chấp thuận về môi trường (trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án).	Luật BVMT 2020.
II	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường (06 TTHC)		
1	1.004246	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/01/2022 (được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 84 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường)
2	1.004621	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	
3	1.004356	Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	Luật Bảo vệ môi trường 2020.
4	1.04258	Xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	Luật Bảo vệ môi trường 2020.
5	1.004148	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường 2020.
6	1.005741	Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án	Luật Bảo vệ môi trường 2020.
III	Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện (01 TTHC)		
1	1.004138	Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	Luật Bảo vệ môi trường 2020.

